

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công.
2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thùy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 559/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 457/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Hà Thị B, sinh năm: 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: anh Phan Ngọc T, sinh năm: 1979. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Hà Thị B trình bày: chị và anh Trật do mai mối và đi đến hôn nhân vào năm 2009, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh T ghen tuông, vợ chồng thường xuyên cự cãi về tiền bạc, anh T thường uống rượu không chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn giữa chị và anh T kéo dài nhiều năm từ khi chung sống đến nay, chị nhiều lần khuyên ngăn và tạo cơ hội hàn gắn nhưng không được. Nhận thấy không còn tình cảm nay yêu cầu ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T có ý kiến trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: không đồng ý ly hôn với chị B do còn thương vợ con, muốn hàn gắn tình cảm với chị B.

- Về con chung: có 02 con chung tên Phan Ngọc Như Q, sinh ngày 21/11/2009; Phan Ngọc Kim T, sinh ngày 14/9/2013 hiện 02 đang sống chung với chị B. Sau khi ly hôn, chị và anh T thống nhất để anh T được nuôi cháu T, chị B nuôi cháu Q, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị B và anh T xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: chị B và anh T xác định không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

- + Đối với nguyên đơn: thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- + Đối với bị đơn: từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị B đối với anh Phan Ngọc T. Chị Hà Thị B được nuôi con chung tên Phan Ngọc Như Q, sinh ngày 21/11/2009, anh Phan Ngọc T được nuôi con chung tên Phan Ngọc Kim T, sinh ngày 14/9/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Hà Thị B yêu cầu ly hôn với anh Phan Ngọc T. Anh T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Phan Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị B và anh Phan Ngọc T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do tính tình không phù hợp, anh T thường xuyên uống rượu, ghen tuông, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài, anh, chị không còn tình cảm và không còn chung sống với nhau khoảng 03 tháng nay, chị B xác định không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục chung sống với anh T thì không còn hạnh phúc.

Anh T không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con, muốn hàn gắn và Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho anh T, chị B hàn gắn tình cảm nhưng hết thời gian Tòa án ấn định anh T và chị B vẫn không hàn gắn được.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh T là trầm trọng, mâu thuẫn phát sinh và kéo dài nhiều năm nhưng không giải quyết được, chị B xác định hôn nhân với anh T không còn hạnh phúc, chị không muốn hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Phan Ngọc Như Q, sinh ngày 21/11/2009; Phan Ngọc Kim T, sinh ngày 14/9/2013 hiện 02 đang sống chung với chị B. Sau khi ly hôn, chị và anh T thống nhất để anh T được nuôi cháu T, chị nuôi cháu Q, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy sự thỏa thuận của chị B, anh T là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Q cho chị B, giao cháu K cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị B, anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của chị Hà Thị B, anh Phan Ngọc T trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: chị Hà Thị B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 144, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị B được ly hôn với anh Phan Ngọc T. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 006, quyển số 01 ngày 14/01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: chị Hà Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Phan Ngọc Như Q, sinh ngày 21/11/2009, anh Phan Ngọc T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Phan Ngọc Kim T, sinh ngày 14/9/2013. Anh Phan Ngọc T, chị Hà Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T không trực tiếp nuôi cháu Q, chị B không trực tiếp nuôi cháu Thi nhưng anh, chị có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh T, chị B thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: ghi nhận chị Hà Thị B xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Hà Thị B và anh Phan Ngọc T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Hà Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0013212 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị B đã nộp xong.

Chị Hà Thị B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh Phan Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên